

UNIT 1:**LOCAL ENVIRONMENT****A CLOSER LOOK 1****I/ NEW WORDS:**

- embroider /ɪmˈbrɔɪ.dər/	(v) : thêu
- cast /kɑːst/ US /kæst/	(v) : đúc
- knit /nɪt/	(v) : đan
- weave /wiːv/ -wove-woven	(v) : dệt
- mould /məʊld/	(v) : đúc, nặn
- handkerchief /ˈhæŋ.kə.tʃɪːf/	(n) : khăn tay
- tablecloth /ˈteɪ.bəl.klɒθ/	(n) : khăn trải bàn
- bronze /brɒnz/	(n) : đồng